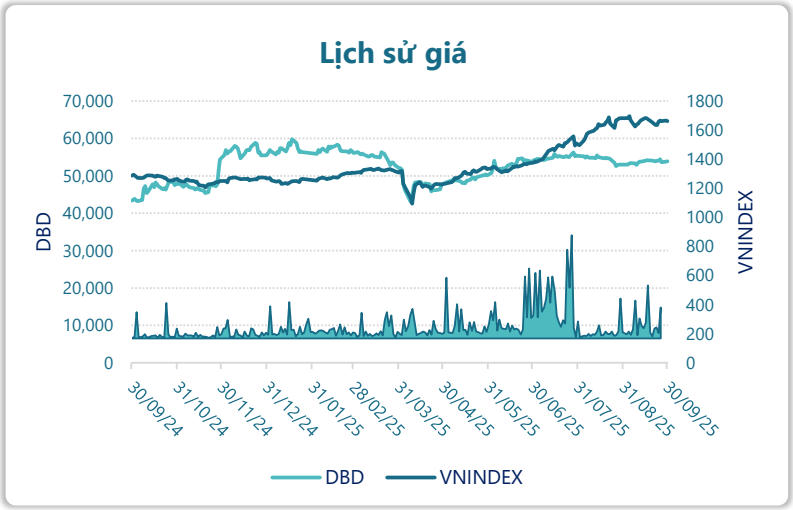
FireAnt

CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**53,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	43,055
SL cổ phiếu LH	94,489,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,810
% sở hữu nước ngoài	15.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,093
P/E	17.4
EPS	3,089

DT thuần

Q3/25

440

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0| -7.4%

YoY: ▲ 7.00| 1.5%

LN sau thuế

Q3/25

59.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.4| -33.7%

YoY: ▼15.1| -20.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.6%

+/- YoY: ▼ 4.1%

DT thuần

9T 2025

1,355

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 105| 8.5%

LN sau thuế

9T 2025

231

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0| 7.8%

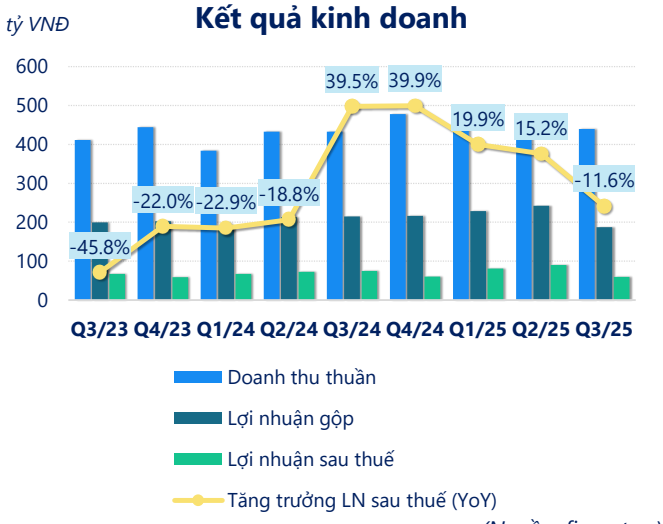
ROE

Q3/25

17.5%

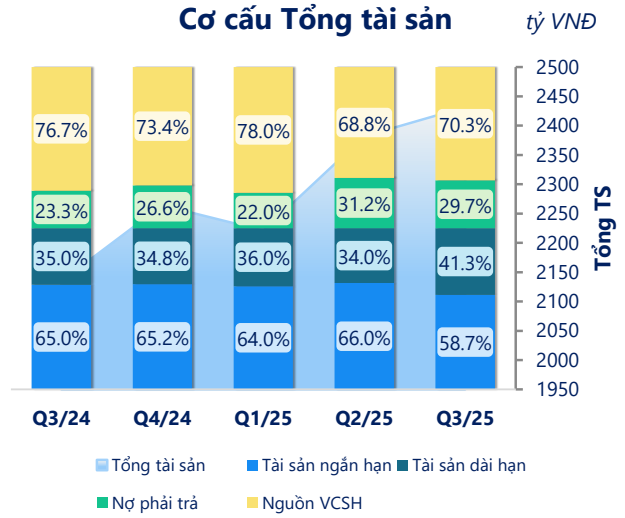
+/- YoY: ▼ 0.5%

Kết quả kinh doanh



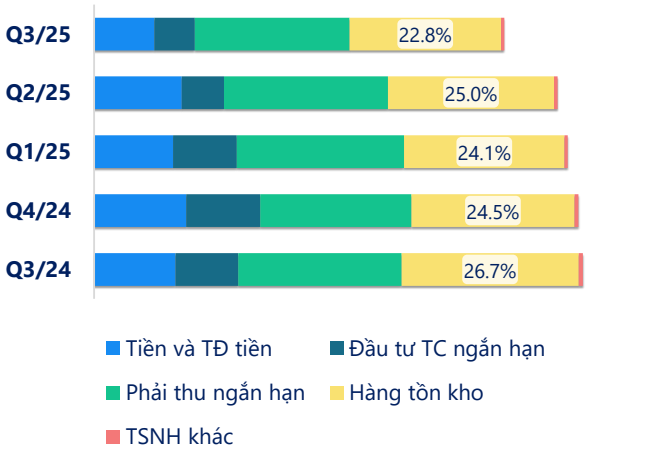
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



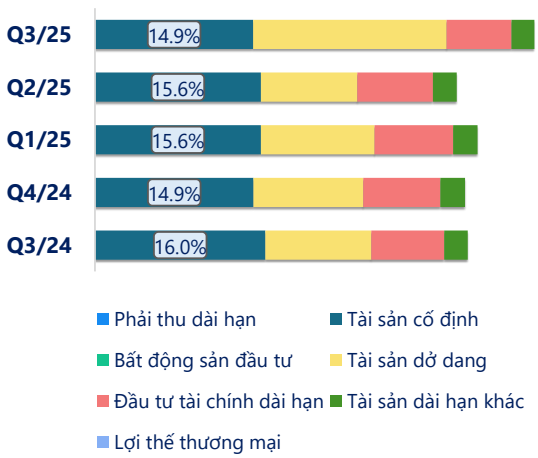
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



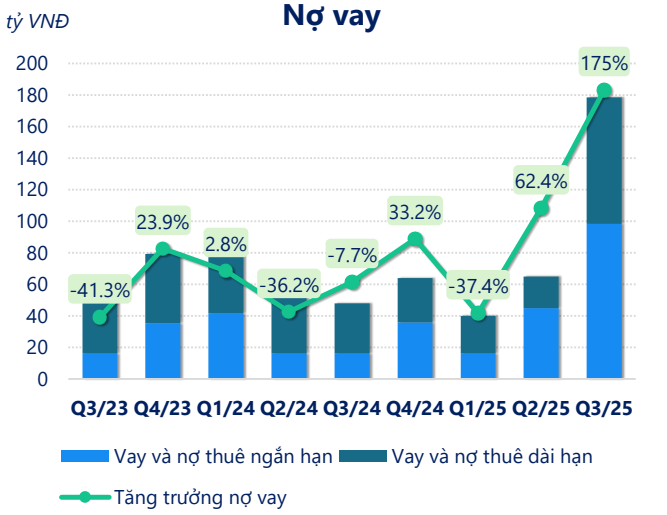
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



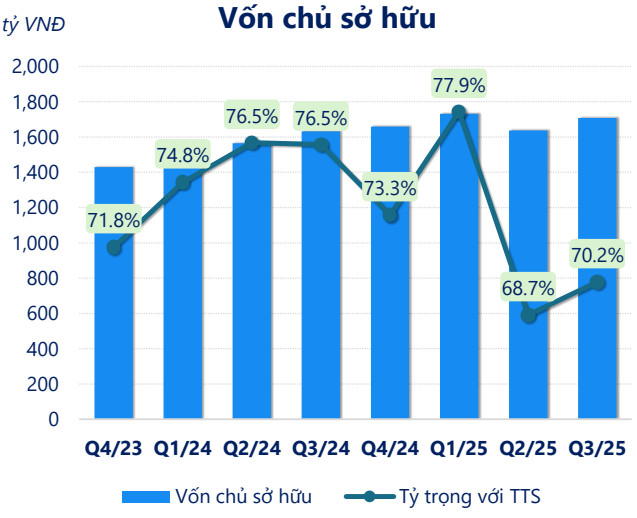
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



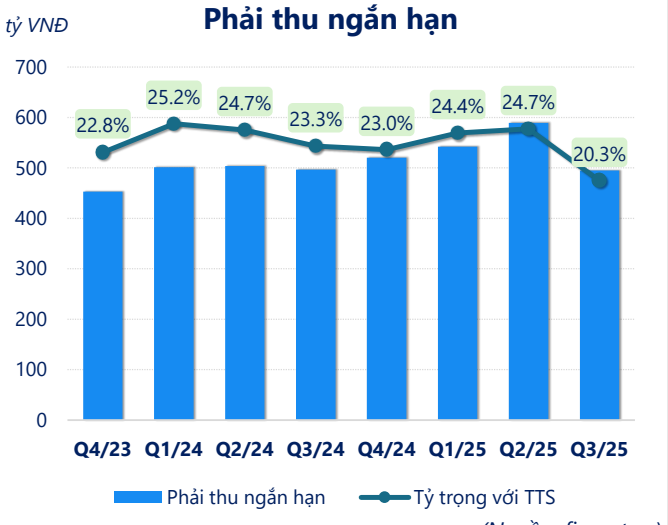
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



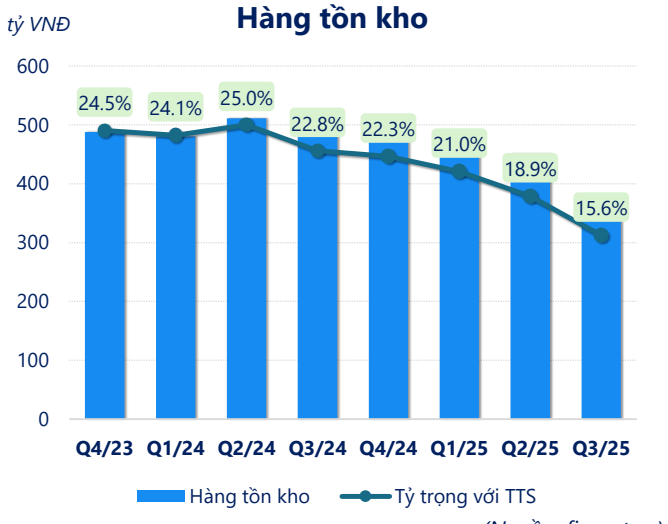
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



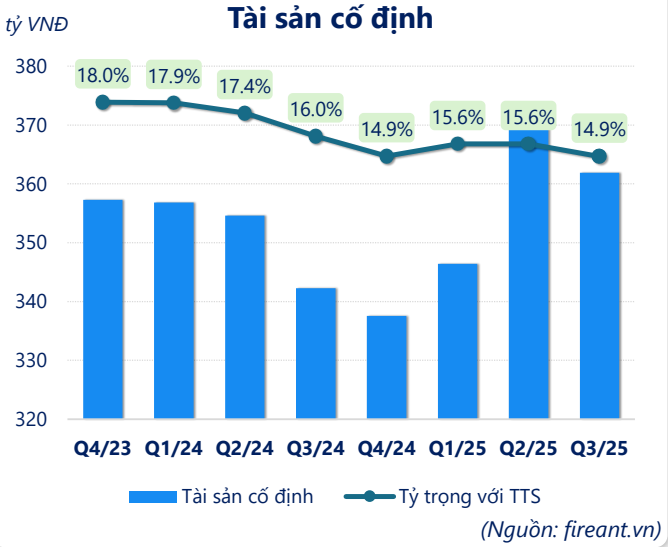
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



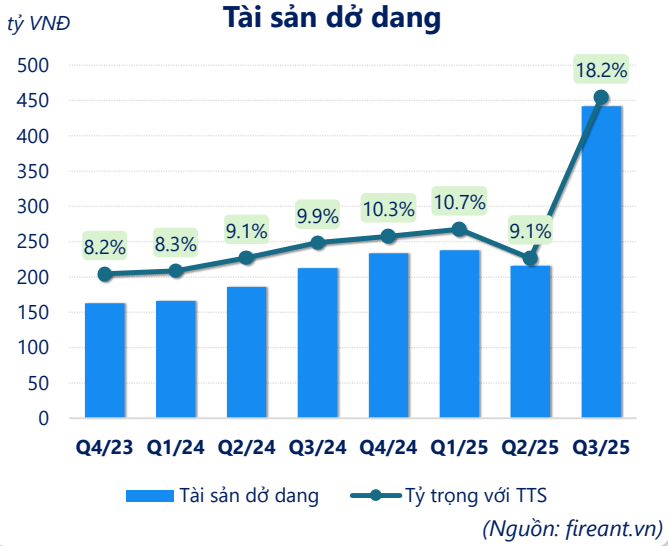
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



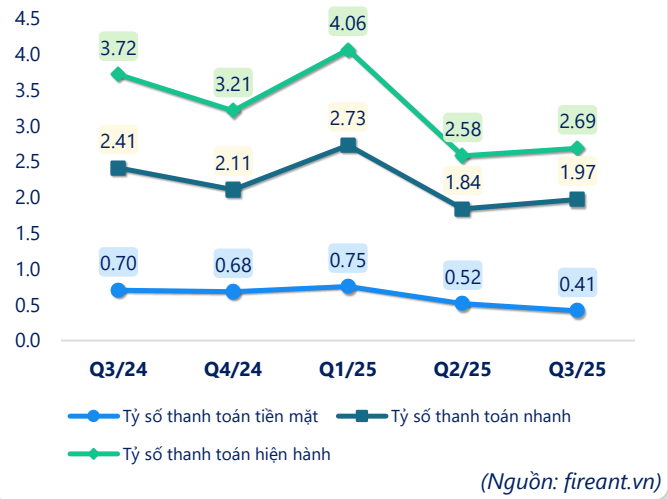
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



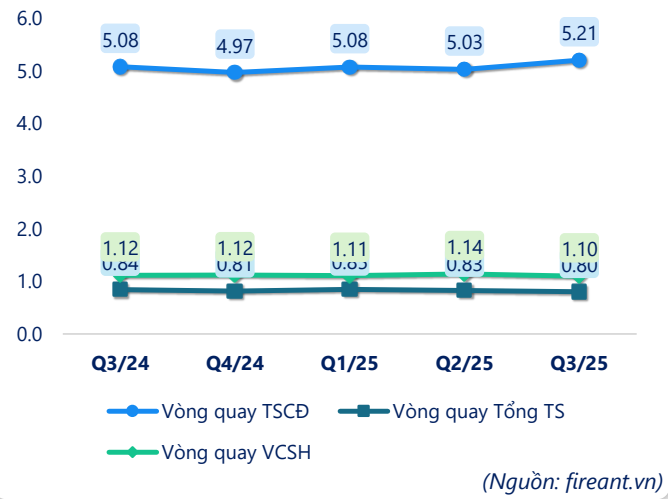
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,135**	**2,264**	**2,221**	**2,382**	**2,432**
Tài sản ngắn hạn	**1,387**	**1,476**	**1,422**	**1,571**	**1,427**
Tiền và tương đương tiền	262	314	264	314	220
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	124	138	200	312
Phải thu ngắn hạn	497	520	542	589	495
Hàng tồn kho	487	505	467	451	379
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	12.1	10.7	16.9	20.4
Tài sản dài hạn	**748**	**788**	**799**	**810**	**1,005**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	342	338	346	372	362
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	212	233	238	216	442
Đầu tư tài chính dài hạn	146	164	164	170	148
Tài sản dài hạn khác	47.0	52.7	50.9	53.2	52.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**498**	**603**	**488**	**743**	**722**
Nợ ngắn hạn	**373**	**460**	**350**	**609**	**531**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.0	35.9	16.0	44.9	98.2
Phải trả người bán ngắn hạn	93.2	161	94.8	95.7	154
Nợ dài hạn	125	143	138	134	191
Vay và nợ thuê dài hạn	32.0	28.0	24.0	20.0	80.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,637**	**1,661**	**1,733**	**1,639**	**1,709**
Vốn chủ sở hữu	**1,632**	**1,659**	**1,731**	**1,637**	**1,708**
Vốn điều lệ	936	936	936	936	945
Kinh phí và quỹ khác	4.66	2.41	1.93	2.07	1.62

(Nguồn: fireant.vn)